

## BẢNG ĐIỂM

### Toán cơ sở(122.1)\_LT\_02

Học kỳ: 1\_2022-2023. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Kiểm tra thường xuyên
1	225714020130173	LỮ THỊ	ÁNH	7.8
2	225714020130150	NGUYỄN THỊ	HOÀI	7.8
3	225714020130101	TRẦN THỊ	HOÀI	7.4
4	225714020130139	ĐẶNG THỊ	HUẾ	8.8
5	225714020130134	TRẦN THỊ	HUẾ	7.6
6	225714020130121	ĐINH THỊ THU	HUYỀN	7.6
7	225714020130096	HOÀNG MINH	HUYỀN	7.9
8	225714020130148	LÊ THỊ	HUYỀN	8.1
9	225714020130178	NGÔ THỊ THU	HUYỀN	8.1
10	225714020130009	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	8.2
11	225714020130162	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	7.9
12	225714020130003	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	8.2
13	225714020130094	TRẦN PHAN KHÁNH	HUYỀN	7.7
14	225714020130147	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	0.0
15	225714020130066	TRỊNH THỊ NGỌC	HUYỀN	7.2
16	225714020130126	THÁI THỊ	HƯNG	8.2
17	225714020130108	TRẦN THỊ	HƯỜNG	7.9
18	225714020130016	NGUYỄN THỊ	KHÁNH	7.8
19	225714020130059	NGUYỄN THỊ	KIỀU	7.5
20	225714020130103	PHẠM THỊ	LÊ	7.7
21	225714020130130	VÀ Y	LÊ	8.0
22	225714020130074	HOÀNG NGUYỄN THÙY	LINH	7.8
23	225714020130001	HOÀNG THỊ THUỶ	LINH	7.6
24	225714020130107	HỒ THỊ MAI	LINH	7.6
25	225714020130164	LÊ KHÁNH	LINH	7.6
26	225714020130141	NGUYỄN LÊ THẢO	LINH	7.8
27	225714020130012	NGUYỄN THỊ	LINH	8.5
28	225714020130069	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	7.4

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
29	225714020130028	NGUYỄN THỊ PHI	LINH	7.8
30	225714020130036	NHỮ THỊ MAI	LINH	7.2
31	225714020130098	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	7.9
32	225714020130072	TÔN THỊ	LOAN	8.8
33	225714020130099	BÙI THỊ	LUYẾN	8.3
34	225714020130155	TRẦN THỊ	LƯƠNG	7.9
35	225714020130118	NGUYỄN THỊ	LÝ	9.5
36	225714020130004	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	7.8
37	225714020130171	THÁI THỊ	LÝ	7.9
38	225714020130175	TRẦN THỊ CẨM	LY	8.5
39	225714020130043	ĐẶNG PHƯƠNG	MAI	6.7
40	225714020130161	NGUYỄN THỊ	MAI	8.5
41	225714020130062	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	7.6
42	225714020130018	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	7.4
43	225714020130023	LA TIỂU	MẬN	7.1
44	225714020130025	PHAN THỊ	MẾN	7.7
45	225714020130125	LƯƠNG THỊ HOÀI	MƠ	7.6
46	225714020130017	LÊ THỊ TRÀ	MY	8.0
47	225714020130071	LÊ	NA	8.7
48	225714020130041	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	7.0
49	225714020130179	TRẦN THỊ MINH	TÂM	7.6
50	225714020130160	ĐOÀN THỊ THANH	THÙY	8.3
51	225714020130005	NGUYỄN MINH	THÚY	7.4
52	225714020130109	NGUYỄN THỊ	THÙY	8.0
53	225714020130058	TRẦN THỊ	THƯ	9.2
54	225714020130140	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THƯ	8.2
55	225714020130142	HOÀNG THỊ	THƯỜNG	8.3
56	225714020130172	LÊ THỊ	THƯỜNG	7.8
57	225714020130138	NGÔ HOÀI	THƯỜNG	7.6
58	225714020130159	NGUYỄN THỊ	THƯỜNG	8.4
59	225714020130135	NGUYỄN THỊ	THƯỜNG	7.5
60	225714020130073	PHAN THỊ DIỄM	THƯỜNG	8.3
61	225714020130050	DƯƠNG THÚY	TIÊN	8.4
62	225714020130157	NGUYỄN THỊ	TRÀ	7.4
63	225714020130156	HOÀNG ĐẶNG QUỲNH	TRANG	7.6
64	225714020130149	HỒ THỊ	TRANG	7.6

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
65	225714020130061	NGÂN THỊ HUYỀN	TRANG	7.4
66	225714020130123	NGUYỄN HỮU VÂN	TRANG	8.6

*Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2023*

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**